

Bản án số: **450/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 25-8-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lan

Bà Nguyễn Tú Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 815/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 850/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Anh T, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096199003316, cấp ngày 18/7/2025.

Cư trú tại: Ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trương Văn N, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Anh T và anh Trương Văn N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 11/4/2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi và ly thân đến nay đã hơn 05 năm. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 người con chung tên Trương Chí T1 (nam), sinh ngày 17/01/2018, hiện nay anh N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 30/7/2026, anh Trương Văn N trình bày: Anh N thống nhất ly hôn với chị T và đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau ngày 11/4/2019 (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, thấy rằng: Quá trình chung sống giữa chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Hiện nay chị T không còn tình cảm yêu thương anh N và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Trường hợp chị T tiếp tục chung sống với anh N sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng và thống nhất ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N thống nhất giao con chung tên Trương Chí T1 (nam), sinh ngày 17/01/2018 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn của anh N vẫn đảm bảo quyền lợi của con chung nên giao cháu T1 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T và anh N không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Anh T ly hôn với anh Trương Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Chí T1 (nam), sinh ngày 17/01/2018 cho anh Trương Chí T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Anh T và anh Trương Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 23/7/2026, chị Nguyễn Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0001138 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Minh Út